



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 6**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400135552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp chuyên từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034287 cấp lần đầu ngày 03 tháng 1 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 12 tháng 5 năm 2017.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Nhà TM, khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024.22253666
- Fax : 024.22253666

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Sông Đà 6.01	Xã Khoen On, huyện Thanh Uyên, tỉnh Lai Châu
Chi nhánh Sông Đà 6.03	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Sông Đà 6.04	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu
Chi nhánh Sông Đà 6.05	Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Sông Đà 6.06	Xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh
Ban điều hành dự án Thủy điện tại Lào	Bản KhanMacNao, Huyện SaNamxay, Tỉnh Attapeu, Lào

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến thế điện;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, đường ống cấp thoát nước;
- Sản xuất kinh doanh xi măng;
- Vận tải;
- Bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng;
- Xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị cơ khí, cơ giới và công nghệ xây dựng;
- Sản xuất điện;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh du lịchữ hành nội địa./.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm
Ông Đặng Quốc Bảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Hồ Sỹ Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2016
Ông Đào Xuân Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Sinh Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 05 năm 2018
Ông Thái Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 05 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đình Tứ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Anh Đào	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2016
Ông Ninh Văn Khương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2020
Ông Đỗ Anh Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm
Ông Đào Xuân Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Lê Tiến Thủ	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2019
Ông Hà Quốc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Vũ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đào Xuân Tuấn – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đào Xuân Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0446/20/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2020, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 6 tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 10 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, trong đó đề cập đến việc Công ty trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định theo kế hoạch được duyệt và phản ánh ở khoản mục “Dự phòng phải trả”. Chi phí sửa chữa thực tế phát sinh được phản ánh vào khoản mục “chi phí xây dựng cơ bản dở dang”. Khi quyết toán chi phí sửa chữa, giá trị quyết toán được bù trừ giữa hai khoản mục này. Cách hạch toán như vậy có sự khác biệt với qui định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư

Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.126.477.732.520	1.169.654.957.936
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.213.278.226	37.435.021.080
1. Tiền	111		14.213.278.226	7.435.021.080
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		520.035.395.283	549.023.632.245
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	541.936.864.177	562.884.837.712
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.510.996.385	12.074.459.694
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	6.790.225.818	9.743.173.426
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(35.202.691.097)	(35.678.838.587)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		589.194.542.806	578.540.876.394
1. Hàng tồn kho	141	V.7	589.194.542.806	578.540.876.394
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.034.516.205	4.655.428.217
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.034.516.205	4.655.428.217
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		290.356.107.213	294.852.943.130
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		177.678.112.959	176.673.312.164
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	176.271.912.959	176.673.312.164
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.406.200.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		89.990.537.817	91.223.852.325
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	57.678.458.256	66.104.443.687
<i>Nguyên giá</i>	222		429.096.267.172	428.635.055.354
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(371.417.808.916)	(362.530.611.667)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	32.312.079.561	25.119.408.638
<i>Nguyên giá</i>	225		34.917.277.726	26.073.470.907
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.605.198.165)	(954.062.269)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		821.722.400	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	821.722.400	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.554.322.987	1.594.322.987
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	3.602.000.000	3.602.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(2.047.677.013)	(2.007.677.013)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		20.311.411.050	25.361.455.654
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	20.311.411.050	25.361.455.654
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.416.833.839.733	1.464.507.901.066

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		959.542.706.584	996.043.588.344
I. Nợ ngắn hạn	310		941.517.086.231	978.765.161.172
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	170.914.881.747	171.198.590.165
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	83.164.698.907	163.468.587.728
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	32.756.608.893	29.102.983.151
4. Phải trả người lao động	314		51.631.976.677	42.837.431.172
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.570.991.869	1.926.667.806
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	141.016.805.526	110.551.072.862
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	452.849.981.909	456.492.414.574
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		189.380.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	4.421.760.703	3.187.413.714
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		18.025.620.353	17.278.427.172
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	18.025.620.353	17.278.427.172
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		457.291.133.149	468.464.312.722
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	457.291.133.149	468.464.312.722
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		347.716.110.000	347.716.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		347.716.110.000	347.716.110.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.336.985.455	31.336.985.455
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.802.853.978	76.802.853.978
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.435.183.716	12.608.363.289
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	12.608.363.289
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.435.183.716	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.416.833.839.733	1.464.507.901.066

Người lập biểu

Ngân

Trần Ngọc Ánh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Ngân

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc


Đào Xuân Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	340.476.723.702	382.841.142.820
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	123.811.000	3.250.206.133
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		340.352.912.702	379.590.936.687
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	282.590.768.901	321.029.950.785
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.762.143.801	58.560.985.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.859.848	14.846.551
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	23.539.676.079	21.824.459.150
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22.965.963.517	19.581.605.465
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	32.537.755.394	30.688.128.493
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.688.572.176	6.063.244.810
11. Thu nhập khác	31	VI.7	511.625.546	974.893.469
12. Chi phí khác	32	VI.8	371.472.214	824.306.788
13. Lợi nhuận khác	40		140.153.332	150.586.681
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.828.725.508	6.213.831.491
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		393.541.792	1.242.766.298
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.435.183.716</u>	<u>4.971.065.193</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>41</u>	<u>143</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>41</u>	<u>143</u>

Người lập biểu

Trần Ngọc Ánh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Ngân

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc

Đào Xuân Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.828.725.508	6.213.831.491
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8;9	10.538.333.145	10.735.579.593
- Các khoản dự phòng	03		(436.147.490)	(23.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.859.848)	(15.346.551)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	22.965.963.517	19.581.605.465
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		34.893.014.832	36.492.669.998
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.080.495.669	27.152.455.158
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.653.666.412)	(24.423.277.344)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(45.639.516.724)	51.051.169.396
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.050.044.604	(2.510.932.910)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(22.634.915.170)	(19.581.605.465)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.178.268.380)	(2.149.611.673)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(942.533.000)	(973.842.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.025.344.581)	65.057.025.160
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(9.305.018.637)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	3.859.848	14.846.551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.301.158.789)	15.346.551

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	290.117.441.789	393.492.797.602
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(289.293.571.427)	(430.315.461.156)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.17	(3.719.109.846)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.895.239.484)	(36.822.663.554)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(23.221.742.854)	28.249.708.157
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	37.435.021.080	17.731.966.118
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	14.213.278.226	45.981.674.275

Người lập biểu

Trần Ngọc Ánh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Ngạn

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đào Xuân Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình, sản xuất kinh doanh vật tư.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buro điện, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến thế điện; sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, đường ống cấp thoát nước; xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị cơ khí, cơ giới và công nghệ xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.171 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.641 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư góp vốn vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác, được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh doanh} \\ \text{dở dang cuối kỳ của từng công} \\ \text{trình/hạng mục công trình} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng dở dang} \\ \text{cuối kỳ của công trình/} \\ \text{hạng mục công trình} \end{array} \times (1 - \text{Tỷ lệ lãi định mức})$$

Trong đó: Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ được xác định trên cơ sở khối lượng dở dang cuối kỳ theo kết quả kiểm kê.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Công ty thực hiện việc trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định vào chi phí trong kỳ dựa trên kế hoạch sửa chữa được Hội đồng quản trị phê duyệt và điều chỉnh vào cuối năm trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí sửa chữa đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được phản ánh vào khoản mục “chi phí xây dựng cơ bản dở dang”. Khi quyết toán chi phí sửa chữa, giá trị quyết toán sẽ được bù trừ giữa hai khoản mục “chi phí xây dựng cơ bản dở dang” và “Dự phòng phải trả”.

Việc hạch toán trích trước chi phí sửa chữa tài sản như trên có sự khác biệt với qui định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”. Nếu Công ty áp dụng việc ghi nhận chi phí sửa chữa tài sản cố định theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 thì giá vốn hàng bán và lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty sẽ lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 479.207.400 VND.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

16. Các khoản giảm trừ

Các khoản giảm trừ doanh thu của Công ty là giá trị khối lượng xây lắp bị cắt giảm khi quyết toán công trình được phê duyệt, được ghi nhận khi phát sinh giá trị bị cắt giảm.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật và trong một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	940.055.905	1.646.086.265
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.273.222.321	5.788.934.815
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
Cộng	14.213.278.226	37.435.021.080

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	500.000.000	(365.000.000)	135.000.000	500.000.000	(325.000.000)	175.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	3.000.000.000	(1.682.677.013)		3.000.000.000	(1.682.677.013)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	102.000.000			102.000.000		
Cộng	3.602.000.000	(2.047.677.013)		3.602.000.000	(2.007.677.013)	

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.007.677.013	1.766.343.806
Trích lập dự phòng bổ sung	40.000.000	
Hoàn nhập dự phòng	-	(95.000.000)
Số cuối kỳ	2.047.677.013	1.671.343.806

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	228.586.400.748	248.195.443.614
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	211.039.216.058	231.070.464.870
Trong đó		
<i>Cơ quan tổng công ty Sông Đà</i>	<i>13.921.680.330</i>	<i>18.565.894.383</i>
<i>Ban Điều hành Dự án Thủy điện Xekaman 1</i>	<i>81.314.212.307</i>	<i>81.314.212.307</i>
<i>Ban Điều hành Dự án Thủy điện Xekaman 3</i>	<i>32.395.065.507</i>	<i>32.395.065.507</i>
<i>Ban Điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng</i>	<i>2.961.288.871</i>	<i>2.996.172.621</i>
<i>Ban Điều hành Dự án Thủy điện Sơn La</i>	<i>36.846.369.273</i>	<i>39.846.369.273</i>
<i>Văn phòng đại diện Tổng công ty Sông Đà</i>		
<i>- Ban Điều hành Dự án Thủy điện Thủy điện Lai Châu</i>	<i>13.495.809.333</i>	<i>13.847.960.342</i>
<i>Ban Điều hành Dự án Thủy điện Hòa Na</i>	<i>6.698.973.516</i>	<i>6.698.973.516</i>
<i>Ban Điều hành Dự án thủy điện Đồng Nai 5</i>	<i>23.405.816.921</i>	<i>35.405.816.921</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	15.465.969.064	15.465.969.064
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (*)	16.980.758	32.433.208
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (Xí nghiệp 10.7)	1.280.838.395	1.280.838.395
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (Chi nhánh 5)	92.710.612	
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	340.057.024	
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	105.304.890	105.304.890
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà - Ucrin	245.323.947	240.433.187
Phải thu các khách hàng khác	313.350.463.429	314.689.394.098
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Á	116.293.245.664	117.524.889.517
Công ty cổ phần Thủy điện Pắc Ma	46.206.638.780	37.656.046.658
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	30.965.946.602	31.869.225.084
Công ty Cổ phần Long Việt	10.779.709.044	14.274.354.634
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải và Tư vấn Đông Nam Á	1.347.130.580	14.717.688.718
Các khách hàng khác	107.757.792.759	98.647.189.487
Cộng	541.936.864.177	562.884.837.712

(*) Công ty đã bù trừ công nợ phải thu Chi nhánh 901 với công nợ phải trả Văn phòng Công ty Cổ phần Sông Đà 9, số tiền 499.608.792 VND.

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	80.828.424.184	80.828.424.184
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	80.828.424.184	80.828.424.184
Trong đó:		
<i>Cơ quan tổng công ty Sông Đà</i>	<i>755.104.486</i>	<i>755.104.486</i>
<i>Ban Điều hành Dự án Thủy điện Xekaman 1</i>	<i>20.735.155.899</i>	<i>20.735.155.899</i>
<i>Ban Điều hành Dự án Thủy điện Xekaman 3</i>	<i>33.395.839.356</i>	<i>33.395.839.356</i>
<i>Ban Điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng</i>	<i>18.496.717.020</i>	<i>18.496.717.020</i>
<i>Ban Điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5</i>	<i>7.445.607.423</i>	<i>7.445.607.423</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các khách hàng khác	95.443.488.775	95.844.887.980
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Á	17.041.144.185	17.041.144.185
Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma	29.781.269.335	20.746.937.956
Công ty Cổ phần Long Việt	12.860.537.436	12.860.537.436
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải và Tư vấn Đông Nam Á	21.515.395.664	20.896.407.614
Các khách hàng khác	14.245.142.155	24.299.860.789
Cộng	176.271.912.959	176.673.312.164

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại xăng dầu Lai Châu	2.998.383.125	7.767.224.602
Công ty Trung Hà TNHH	1.055.128.842	1.823.144.860
Công ty TNHH Đầu tư Quốc Tế Phúc Anh	1.040.000.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.417.484.418	2.484.090.232
Cộng	6.510.996.385	12.074.459.694

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	1.629.780.001	1.629.780.001
Tổng công ty sông Đà - CTCP	597.380.000	597.380.000
Ông Hồ Sỹ Hùng	1.032.400.001	1.032.400.001
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.160.445.817	8.113.393.425
Tạm ứng	2.864.990.434	4.701.311.188
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	271.860.622	1.175.560.622
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.023.594.761	2.236.521.615
Cộng	6.790.225.818	9.743.173.426

5b. Phải thu ngắn dài hạn khác

Là khoản ký quỹ cho hợp đồng thuê tài chính.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Các bên liên quan	32.395.065.507	(32.395.065.507)	32.395.065.507	(32.395.065.507)
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	32.395.065.507	(32.395.065.507)	32.395.065.507	(32.395.065.507)
Các tổ chức khác	2.807.625.590	(2.807.625.590)	3.283.773.080	(3.283.773.080)
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinh Sơn	1.721.596.590	(1.721.596.590)	1.721.596.590	(1.721.596.590)
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	-	-	420.905.423	(420.905.423)
Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	-	-	55.242.067	(55.242.067)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	1.086.029.000	(1.086.029.000)	1.086.029.000	(1.086.029.000)
Cộng	35.202.691.097	(35.202.691.097)	35.678.838.587	(35.678.838.587)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	35.678.838.587	35.623.596.520
Trích lập dự phòng bổ sung	-	72.000.000
Sử dụng dự phòng	(476.147.490)	-
Số cuối kỳ	35.202.691.097	35.695.596.520

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi đường	-	-	3.707.610.111	-
Nguyên liệu, vật liệu	33.874.387.869	-	36.698.465.525	-
Công cụ, dụng cụ	3.371.163.473	-	3.537.835.082	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	551.323.392.298	-	532.013.639.865	-
Công trình Thủy điện Xekaman - Xan xay	165.814.153.873	-	163.391.711.949	-
Công trình Thủy điện Huội Quảng	78.111.433.888	-	76.850.989.509	-
Công trình Thủy điện Đồng Nai 5	69.598.441.155	-	69.561.039.471	-
Công trình khác	237.799.363.382	-	222.209.898.936	-
Thành phẩm	625.599.166	-	2.583.325.811	-
Cộng	589.194.542.806	-	578.540.876.394	-

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.292.803.248	317.109.984.213	92.061.202.621	171.065.272	428.635.055.354
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	461.211.818	-	-	461.211.818
Số cuối kỳ	19.292.803.248	317.571.196.031	92.061.202.621	171.065.272	429.096.267.172
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	168.770.545.677	92.061.202.621	171.065.272	261.002.813.570
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.158.007.311	278.208.068.034	78.993.471.050	171.065.272	362.530.611.667
Khấu hao trong kỳ	257.237.376	6.666.740.757	1.963.219.116	-	8.887.197.249
Số cuối kỳ	4.900.769.935	284.874.808.791	80.956.690.166	378.047.090	371.417.808.916

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	14.134.795.937	38.901.916.179	13.067.731.571	-	66.104.443.687
Số cuối kỳ	13.877.558.561	32.696.387.240	11.104.512.455	-	57.678.458.256

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 48.545.000.008 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	19.081.818.182	6.991.652.725	26.073.470.907
Thuê tài chính trong năm	8.843.806.819	-	8.843.806.819
Số cuối năm	27.925.625.001	6.991.652.725	34.917.277.726
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	735.573.124	218.489.145	954.062.269
Khấu hao trong năm	1.214.157.606	436.978.290	1.651.135.896
Số cuối năm	1.949.730.730	655.467.435	2.605.198.165
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	18.346.245.058	6.773.163.580	25.119.408.638
Số cuối năm	25.975.894.271	6.336.185.290	32.312.079.561

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	461.211.818	(461.211.818)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	821.722.400	-	821.722.400
Cộng	-	1.282.934.218	(461.211.818)	821.722.400

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ hành chính	1.190.982.330	1.325.399.322
Công cụ dụng cụ sản xuất	14.904.637.950	20.861.655.621
Chi phí di chuyển máy móc thiết bị và lực lượng thi công	492.417.918	1.514.618.285
Phí bảo hiểm xe máy, thiết bị	137.485.870	397.292.753
Chi phí sửa chữa tài sản	525.687.068	633.480.460
Các chi phí khác	3.060.199.914	629.009.213
Cộng	<u>20.311.411.050</u>	<u>25.361.455.654</u>

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>13.947.478.811</i>	<i>15.559.716.243</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.069.253.188	949.253.188
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	-	1.852.977.082
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	136.192.100	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	15.452.450
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	16.583.045	16.583.045
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	12.725.450.478	12.725.450.478
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>156.967.402.936</i>	<i>155.638.873.922</i>
Công ty TNHH Phát triển Dịch vụ Trung Tín	11.344.057.990	11.090.628.499
Công ty TNHH MTV Thanh Lâm Tây Bắc	11.286.134.051	13.585.967.495
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đại Ngân	10.080.319.543	9.148.059.535
Phải trả các nhà cung cấp khác	124.256.891.352	121.814.218.393
Cộng	<u>170.914.881.747</u>	<u>171.198.590.165</u>

13. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	14.619.161.342	19.214.432.792
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	14.619.161.342	19.214.432.792
Trả trước của các khách hàng khác	68.545.537.565	144.254.154.936
Công ty Cổ phần thủy điện Pác Ma	4.936.000.000	63.271.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 299	30.362.733.213	30.015.931.800
Công ty Cổ phần Năng Lượng AGRITA - Quảng Nam	13.646.958.799	21.962.734.018
Công ty TNHH Hạ Sê Kong A	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải và Tư vấn Đông Nam Á	8.895.865.353	19.158.228.973
Các khách hàng khác	703.980.200	9.846.260.145
Cộng	<u>83.164.698.907</u>	<u>163.468.587.728</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	26.009.744.061	11.539.424.545	(7.205.862.697)	30.343.305.909
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.081.423.988	156.165.437	(1.178.268.380)	1.059.321.045
Thuế thu nhập cá nhân	758.454.302	387.929.549	(45.762.712)	1.100.621.139
Thuế tài nguyên	201.537.000	-	-	201.537.000
Các loại thuế khác	51.823.800	9.000.000	(9.000.000)	51.823.800
Cộng	29.102.983.151	12.092.519.531	(8.438.893.789)	32.756.608.893

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.828.725.508	6.213.831.491
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	138.983.454	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	138.983.454	-
	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.967.708.962	6.213.831.491
Thu nhập tính thuế	1.967.708.962	6.213.831.491
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i>	<i>393.541.792</i>	<i>1.242.766.298</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở Lào	(237.376.355)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	156.165.437	1.242.766.298

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	965.433.522	634.385.175
Trích trước chi phí xây dựng trả cho nhà thầu phụ	2.343.284.421	1.277.282.631
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.262.273.926	15.000.000
Cộng	4.570.991.869	1.926.667.806

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>207.398.616</i>	<i>207.398.616</i>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	30.659.300	30.659.300
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	106.514.328	106.514.328
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	70.224.988	70.224.988
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>140.809.406.910</i>	<i>110.343.674.246</i>
Kinh phí công đoàn	2.300.759.138	1.923.217.742
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	7.275.916.378	3.766.131.477
Cổ tức phải trả	97.851.210.370	87.268.577.070
Quỹ Sông Đà	2.809.058.937	3.316.214.496
Các khoản phải trả khác	30.572.462.087	14.069.533.461
Cộng	141.016.805.526	110.551.072.862

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	445.307.751.881	449.616.790.610
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành ⁽ⁱ⁾	122.284.122.113	142.327.899.604
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱ⁾	176.832.679.023	180.308.259.010
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	59.030.420.400	63.836.124.301
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Lào Cai ^(iv)	87.160.530.345	63.144.507.695
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	7.542.230.028	6.875.623.964
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	56.000.000	275.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	1.578.000.000	1.578.000.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust	3.129.442.148	3.686.260.328
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương tín	1.960.000.000	1.336.363.636
Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế Challea	818.787.880	-
Cộng	452.849.981.909	456.492.414.574

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT322-SĐ6 ngày 03 tháng 12 năm 2019 để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2019/369574/HĐTD ngày 05 tháng 11 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 21/19/KT/HM/VCBTHN ngày 30 tháng 7 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - chi nhánh Lào Cai Hợp theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 272/2019/HĐHM-PN/SHB.110900 ngày 18 tháng 12 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công bê tông thuộc dự án công trình thủy điện Pắc Ma với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ hợp đồng thi công xây dựng công trình thủy điện Pắc Ma giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	449.616.790.610	1.853.000.000	5.022.623.964	456.492.414.574
Số tiền vay phát sinh trong năm	283.976.532.698	-	-	283.976.532.698
Kết chuyển từ vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	789.000.000	3.990.625.000	4.779.625.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(288.285.571.427)	(1.008.000.000)	(3.105.018.936)	(292.398.590.363)
Số cuối kỳ	445.307.751.881	1.634.000.000	5.908.230.028	452.849.981.909

17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.183.500.000	1.972.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội ^(v)	1.183.500.000	1 972 500 000
Nợ thuê tài chính	12.543.483.992	15.305.927.172
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust ^(vi)	9.492.120.356	11.519.563.536
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương tín ^(vii)	3.051.363.636	3.786.363.636
Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế Challea ^(viii)	4.298.636.361	-
Cộng	18.025.620.353	17.278.427.172

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây để đầu tư tài sản cố định với lãi suất, thời hạn theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty.
- (vi) Hợp đồng thuê tài chính số 2179000098/HDCTTC ngày 30 tháng 5 năm 2019 thời hạn 48 tháng thuê các tài sản phục vụ việc khai thác mỏ đá và các công trình xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (vii) Hợp đồng thuê tài chính số SBL 0202201910002 ngày 11 tháng 10 năm 2019 thời hạn 48 tháng lãi suất 9,5%/năm, thuê ô tô tải Ben nhãn hiệu Maz, Model 6501B3-420-710P1.
- (viii) Hợp đồng thuê tài chính số B20021615 ngày 20 tháng 01 năm 2020, thời hạn 30 tháng lãi suất 8,5 %/năm, thuê các tài sản máy móc thiết bị với mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	1.972.500.000	15.305.927.172	17.278.427.172
Số tiền vay phát sinh	-	6.140.909.091	6.140.909.091
Số tiền vay đã trả	-	(614.090.910)	(614.090.910)
Kết chuyển sang vay và nợ dài hạn đến hạn trả	(789.000.000)	(3.990.625.000)	(4.779.625.000)
Số cuối kỳ	1.183.500.000	16.842.120.353	18.025.620.353

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	3.187.413.714	3.097.862.155
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.176.879.989	2.075.001.059
Chi quỹ	(942.533.000)	(1.985.449.500)
Số cuối năm	4.421.760.703	3.187.413.714

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Số cuối kỳ
Số đầu năm trước	347.716.110.000	31.336.985.455	76.802.853.978	9.029.323.259	464.885.272.692
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	4.971.065.193	4.971.065.193
Trích lập các quỹ	-	-	-	(2.075.001.059)	(2.075.001.059)
Số dư cuối kỳ trước	347.716.110.000	31.336.985.455	76.802.853.978	11.925.387.393	467.781.336.826
Số đầu năm nay	347.716.110.000	31.336.985.455	76.802.853.978	12.608.363.289	468.464.312.722
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	1.435.183.716	1.435.183.716
Trích lập các quỹ	-	-	-	(2.176.879.989)	(2.176.879.989)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(10.431.483.300)	(10.431.483.300)
Số dư cuối kỳ này	347.716.110.000	31.336.985.455	76.802.853.978	1.435.183.716	457.291.133.149

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng công ty Sông Đà	226.015.400.000	226.015.400.000
Cổ đông khác	121.700.710.000	121.700.710.000
Cộng	347.716.110.000	347.716.110.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.771.611	34.771.611
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	34.771.611	34.771.611
- Cổ phiếu phổ thông	34.771.611	34.771.611
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.771.611	34.771.611
- Cổ phiếu phổ thông	34.771.611	34.771.611

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 6 năm 2020 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức	10.431.483.300
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.176.879.989

19e. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 1.280,77 USD (số đầu năm là 251,6 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán vật tư	5.948.165.517	15.300.974.081
Doanh thu bán thành phẩm	43.196.124.657	43.684.492.219
Doanh thu hợp đồng xây dựng	290.456.210.138	319.446.848.527
Doanh thu khác	876.223.390	4.408.827.993
Cộng	340.476.723.702	382.841.142.820

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	2.988.553.241	5.864.427.714
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	2.555.659.048	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	84.282.375	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	123.811.000	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giảm trừ giá trị công trình khi quyết toán	123.811.000	3.250.206.133
Cộng	123.811.000	3.250.206.133

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của vật tư đã bán	5.470.926.165	12.469.328.760
Giá vốn của thành phẩm đã bán	32.166.898.693	37.562.178.586
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	244.227.828.926	270.648.439.652
Giá vốn khác	725.115.117	350.003.787
Cộng	282.590.768.901	321.029.950.785

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Là tiền gửi ngân hàng không kì hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	22.965.963.517	19.581.605.465
Dự phòng/(hoàn nhập) tổn thất đầu tư	40.000.000	(95.000.000)
Chi phí tài chính khác	533.712.562	2.337.853.685
Cộng	23.539.676.079	21.824.459.150

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	26.227.740.588	23.055.423.877
Chi phí vật liệu quản lý	831.716.081	915.219.381
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.039.917.793	821.723.467
Chi phí khấu hao tài sản cố định	376.496.418	528.190.122
Thuế, phí và lệ phí	65.555.772	57.594.909
Dự phòng phải thu khó đòi	-	72.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.253.565.461	1.713.152.975
Các chi phí khác	2.742.763.281	3.524.823.762
Cộng	32.537.755.394	30.688.128.493

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	500.000
Xử lý công nợ	-	586.594.873
Thanh lý vật tư	-	61.390.909
Đền bù giải phóng mặt bằng	378.112.727	-
Thu nhập khác	133.512.819	326.407.687
Cộng	511.625.546	974.893.469

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	138.983.454	212.647.205
Lãi chậm nộp bảo hiểm	165.940.250	-
Chi phí khác	66.548.510	611.659.583
Cộng	371.472.214	824.306.788

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.435.183.716	4.971.065.193
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.435.183.716	4.971.065.193
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	34.771.611	34.771.611
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	41	143

9b. Thông tin khác

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được sử dụng để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho 6 tháng đầu năm thì lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	169.044.307.671	178.347.711.730
Chi phí nhân công	97.525.790.544	103.979.375.073
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.538.333.145	10.735.579.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.364.173.970	57.921.924.021
Chi phí khác	14.323.639.308	16.803.100.362
Cộng	327.796.244.638	367.787.690.779

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 1.377.521.250 VND (cùng kỳ năm trước là 1.221.347.000 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ
Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		
Tiền vật tư ca máy	566.390.857	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà		
Chi phí thí nghiệm	218.181.818	

Công nợ các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12, V.13 và V.16.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập biểu

Trần Ngọc Ánh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Ngạn

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc

Đào Xuân Tuấn

